

Số: 97/2018/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT, ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 234/TTr-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; nội dung, hình thức, mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là CTMTQG) Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT, ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## Chương II

### NỘI DUNG HỖ TRỢ

#### **Điều 3. Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; nhân rộng mô hình giảm nghèo**

1. Mức hỗ trợ dự án, mô hình (gọi tắt dự án): Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa: Đối với dự án do cấp tỉnh triển khai: tối đa 300 triệu đồng/dự án; đối với dự án do cấp huyện triển khai: tối đa 250 triệu đồng/dự án; đối với dự án cấp xã triển khai: tối đa 200 triệu đồng/dự án.

#### **2. Chi xây dựng và quản lý dự án**

a) Tùy theo tính chất của từng hoạt động và nội dung công việc cụ thể để xây dựng dự toán chi tiết nhưng chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án;

b) Nội dung và mức chi cụ thể: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 9 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

#### **3. Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất dự án, mô hình**

a) Đối với dự án nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp: Nội dung hỗ trợ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e, khoản 1, Điều 10 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC, mức chi hỗ trợ: Hộ nghèo là 10 triệu đồng/01 hộ; hộ cận nghèo là 07 triệu đồng/01 hộ; hộ mới thoát nghèo là 05 triệu đồng/ 01 hộ (thoát

nghèo trong thời hạn từ 1 - 3 năm, không tái nghèo). Nhóm hộ hỗ trợ tối đa bằng tổng mức hỗ trợ của các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo cộng lại. Trường hợp hộ đã nhận hỗ trợ theo nhóm thì không được hỗ trợ trực tiếp;

b) Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng cho cả giai đoạn 2016 - 2020 đối với dự án xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, vật tư sản xuất. Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đối với doanh nghiệp: Hỗ trợ chi phí đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; định mức và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh. Đối với hợp tác xã: Hỗ trợ chi phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất; cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất theo hợp đồng; định mức và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Đối với hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm; hỗ trợ tạo đất sản xuất; hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng: Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC;

đ) Đối với hỗ trợ tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người dân tham gia dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

#### 4. Chi các nội dung khác

a) Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện Dự án, mô hình cho đến khi có kết quả: Chi hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí): 70.000 đồng/người/ngày thực địa;

b) Chi chế độ công tác phí cho cán bộ theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

c) Chi tổ chức đi thực tế học tập các Dự án, mô hình có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao: Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân.

**Điều 4. Nội dung, hình thức và mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem, thiết lập cụm thông tin cơ sở**

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ.

Thực hiện theo điểm a, b khoản 6 và khoản 8, Điều 19 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Nội dung, mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem

a) Loại phương tiện nghe: Radio hỗ trợ nghe. Mức chi: 300.000 đồng/thiết bị.

b) Loại phương tiện xem: Tivi màn hình LED có tích hợp đầu thu KTS DVB-T2 hỗ trợ xem. Mức chi: 06 triệu đồng/thiết bị.

3. Nội dung, mức hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương để cập nhật, truyền tải, quảng bá kịp thời đến cộng đồng dân cư và khách nước ngoài các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị của quốc gia, địa phương và cung cấp các thông tin thiết yếu cho xã hội.

a) Loại phương tiện: Bảng tin điện tử từ 01 đến 02 mặt hình.

b) Mức chi căn cứ Quy định của nhà nước và tình hình kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao và điều kiện thực tế của từng địa phương, giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT, ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Điều 5. Chi quản lý, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình**

Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã: Xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 5.000.000 đồng/xã/năm; xã khác: 3.000.000 đồng/xã/năm.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bãi bỏ các quy định trái với nội dung tại Nghị quyết này.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



**Lê Đình Sơn**